

Số: 15/2026/QĐST-DS

A, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Thu T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm A, xã A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh An Giang.
Văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2024.

- Ông Châu Văn T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh An Giang. Văn bản uỷ quyền ngày 09/01/2026.

Bị đơn:

- Ông Lê Hoài A, sinh năm 1978.

- Bà Phan Thị T2, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

Người đại diện uỷ quyền: Ông Phạm Hiền V – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp H, xã G, tỉnh An Giang.

Văn bản uỷ quyền ngày 19/9/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Đình K1, sinh năm 2008.

- Anh Lê Duy C, sinh năm 2010.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh K1, anh C: Ông Lê Hoài A và bà Phan Thị T2 (là cha và mẹ). Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp P, xã A, tỉnh An Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Châu Văn T1, ông Nguyễn Quốc K thống nhất hỗ trợ cho ông Lê Hoài A, bà Phan Thị T2 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền cửa chính của nhà chính là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tổng cộng 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). Phía ông A, bà T2 phải bắt cá dưới ao; các cây Bạch Đàn ông A, bà T2 đã trồng trên đất, nguyên đơn thống nhất cho ông A, bà T2 đốn những cây lớn, để lại những cây nhỏ. Nhà chính ông A, bà T2 giữ nguyên hiện trạng và giao trả lại cho nguyên đơn. Ông A, bà T2 được di dời các nhà phụ, nhà bếp.

Ông Lê Hoài A, bà Phan Thị T2 và người đại diện theo uỷ quyền ông Phạm Hiền V thống nhất nhận số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) và thống nhất di dời các tài sản nêu trên, thống nhất trả lại quyền sử dụng đất. Cụ thể diện tích đất 6.126,3m² có các điểm 1,2,3,4; trong đó có nhà chính diện tích 109m², ao nhỏ bên phải nhà chính 818m², ao lớn phía sau nhà 2.312,2m² (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2026). Diện tích đất trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS152917 ngày 07/9/2020, tờ bản đồ số 10, thửa số 124.

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất thời gian di dời là sau 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Ngày 24/6/2026, bà Châu Thị Thu T sẽ giao đủ số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) cho ông Lê Hoài A, bà Phan Thị T2. A, bà T2 phải có nghĩa vụ bàn giao lại quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất gồm nhà chính, các cây trồng trên đất (sau khi đã đốn những cây Bạch Đàn lớn), ao cá.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

- Về chi phí thẩm định giá: Do hoà giải thành nên nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ công tác phí cho công ty thẩm định giá là 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

Bà T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét tại , đo đạc, định giá 7.000.000đ. Bà T đã hỗ trợ các chi phí trên 3.000.000 đ. Còn lại 4.000.000đ bà T đã nhận lại xong.

Về án phí: Áp dụng 147 Bộ Luật tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.250.000 đồng (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), mỗi bên chịu một nửa số tiền 2.625.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Do bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí nên bà T được miễn án phí. Ông Lê Hoài A, bà Phan Thị T2 được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 18.225.000 đồng (*T3 trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007229 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, ông A, bà T2 được nhận lại số tiền 15.600.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực T- An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

LÊ THỊ DIỄM